

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 08/5/2019.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Liệu.

Ông Cao Phước Nghĩa.

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký
TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông
Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12/03/2019 về vụ “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phụng L**, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp CĐ, xã MTh, huyện HĐ, tỉnh K G (Có mặt).

* Bị đơn: Anh **Lê Mẫn X**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Ấp H T, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phụng L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh X tự tìm hiểu thương yêu được hai bên gia đình đồng ý nên đi đến hôn nhân, anh chị có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Sóc Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/01/2007. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn do anh X không chung thủy nhưng gì thương con nên chị đã tha thứ cho anh X nhiều lần nhưng anh Xuyên vẫn không thay đổi. Do không thể chịu đựng được nữa nên từ cuối năm 2018 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và cũng từ đó cho đến nay anh chị đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh X.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Mẫn Đ, sinh ngày 28/11/2006 và Lê Hải N, sinh ngày 24/7/2012. Chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/04/2019 bị đơn anh Lê Mẫn X trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị L tự tìm hiểu thương yêu được hai bên gia đình đồng ý nên đi đến hôn nhân, anh chị có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Sóc Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/01/2007. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng đi làm ăn xa nhau lâu ngày nên tình cảm vợ chồng không còn và cũng từ đó cho đến nay anh chị đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Mẫn Đ, sinh ngày 28/11/2006 và Lê Hải N, sinh ngày 24/7/2012. Hiện nay anh đang nuôi dưỡng 02 con nên anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện VKSND huyện Hòn Đất: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phụng L. Cho chị Liên được ly hôn với anh X. Về con chung: Giao cho L nuôi dưỡng cháu Đ, giao anh X nuôi dưỡng cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét. Về án phí buộc chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phụng L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh X là bị đơn trong vụ đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh X tự tìm hiểu thương yêu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do anh X không chung thủy. Còn theo anh X thì do anh chị phải đi làm ăn xa, không thường xuyên ở bên nhau nên lâu ngày giữa anh chị không còn tình cảm vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh X. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh X là có cơ sở chấp nhận. Vì cả hai anh chị đều thống nhất là vợ chồng không còn tình cảm với chồng nên đồng ý ly hôn. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị L và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung tên Lê Mẫn Đ, sinh ngày 28/11/2006 và Lê Hải N, sinh ngày 24/7/2012. Chị L và anh X đều yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Xét yêu cầu nuôi con của chị L và anh X, Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai cháu Đ có ý kiến là muốn được chung sống với mẹ là chị L nên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị. Giao 01 con chung là cháu Đ cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Còn cháu N hiện nay đã do anh X chăm sóc, nuôi dưỡng nên giao cho anh X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Trong thời gian anh X, chị L chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung thì phía anh X, chị L được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh chị không yêu cầu nên không xét.

- *Về tài sản chung, về nợ chung:* Anh chị xác nhận có nợ ai và cũng không nợ nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phượng L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phụng Liên.

1. Về Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phụng L được ly hôn với anh Lê Mẫn X.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Mẫn Đ, sinh ngày 28/11/2006 cho chị L nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Hải N, sinh ngày 24/7/2012 cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng. Anh X, chị L chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì phía anh X, chị L được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Phụng L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0002160 ngày 06/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chị L đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh X có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Dương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo